

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO
TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 513/2024/HC-PT

Ngày: 11 - 6 - 2024

V/v Yêu cầu hủy quyết định thu hồi
Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất,
các quyết định hành chính liên quan đất
đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Nhựt Bình

Các Thẩm phán: Ông Phan Tô Ngọc

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Phú Cường - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao
tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham
gia phiên tòa:** Ông Phạm Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành
phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số:
1032/2023/TLPT-HC ngày 13 tháng 12 năm 2023 về việc “Yêu cầu hủy quyết
định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, các quyết định hành chính liên
quan đến đất đai và yêu cầu bồi thường thiệt hại”.

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm
2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 860/2024/QĐPT-HC
ngày 17 tháng 5 năm 2024, giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Ông Bùi Minh S, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số K, ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là
K3/63B, hẻm F, , đường B, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên lạc: K2/323A1, hẻm F đường B, khu phố A, phường B, thành
phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Luật sư Phạm Hoài N – Đoàn
luật sư Thành phố H (có mặt)

Địa chỉ: Tầng C Tòa nhà I số E Đ, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ
Chí Minh

- Người bị kiện:

1. Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai
2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Duy T - Phó chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B (vắng mặt).

3. Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).
4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Mai Thị H, sinh năm 1957 (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của bà H: Ông Bùi Minh S, sinh năm 1954 (có mặt)

Địa chỉ: Số K, Ấp T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. (Nay là K3/63B, hẻm 696, đường B, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai).

Địa chỉ liên lạc: K2/323A1, hẻm F đường B, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công ty Cổ phần H3.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Tiến B - Tổng Giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc T1 - Trưởng phòng tổ chức – Hành chính – Lao động tiền lương (có mặt).

Địa chỉ: Ấp C, xã H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Đình thân B và Miếu B1.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lê Huỳnh L, sinh năm 1969 (vắng mặt).

Địa chỉ: K, khu phố B, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện là ông Bùi Minh S

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản làm việc và tại phiên tòa sơ thẩm người khởi kiện ông Bùi Minh S đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Mai Thị H trình bày:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất:

Ngày 10/6/1995, Giám đốc Công ty H3 ra Quyết định số 1995/TC thanh lý cho ông Bùi Minh S căn hộ Số 1 - Nhà bên cảng B thuộc Xí nghiệp khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An được xây dựng năm 1989 sau thuộc bên đá Công ty đá H: ấp T, phường B, diện tích của căn hộ: Diện tích sử dụng: 249m², trị giá tiền thanh lý cho căn nhà là: 3.500.000 đồng (Ba triệu năm trăm nghìn đồng) tại thời điểm.

Ngày 03/6/2009, ông được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 đối với mảnh đất và căn nhà nêu trên. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này là hợp pháp, thực hiện theo đúng trình tự và quy định pháp luật; căn cứ trên các tài liệu và quá trình sử dụng đất ổn định, lâu dài của gia đình ông.

Căn cứ Tờ cam đoan chủ quyền nhà ngày 11/10/1996 về căn nhà số: K hẻm E, đường T, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai với nội dung:

Nguồn gốc căn nhà: Xây dựng 1989 Loại nhà: Biệt lập; Kết cấu: Cột khung gạch; Vách: Gạch; Mái: Gõ lợp Ngói + Tol; Nền: Xi măng; Diện tích: Ngang 14, dài 17, Diện tích sử dụng 238m²; Đông giáp sông Đ, Tây giáp đình B, Bắc giáp hẻm nhỏ, Nam giáp đường nhựa 6m.

Có xác nhận của ban nhà đất phường, xã (Ông Trần Văn H1); Xác nhận Ủy ban nhân dân phường B (Phó chủ tịch Võ Văn S1); C xác nhận chữ ký của bà Mai Thị H (vợ ông), ông (Bùi Minh S) và 02 nhân chứng (bà Lê Thị Kim N1 và Ông Nguyễn Thành M); Có biên lai thu thuế nhà, đất từ năm 2001 đến năm 2015; Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước ngày 08/9/2011 (phí trước bạ nhà đất); Thông báo nộp tiền thuế sử dụng đất số 8857/SDD/TB-CCT chi cục thuế Thành phố B (thửa đất số 63 thuộc tờ bản đồ số 10, diện tích tính tiền sử dụng đất: 190,8 m², ngày 28/01/2011).

Cùng các văn bản xác nhận từ các hộ dân liền kề khu phố, trưởng khu phố A qua các thời kỳ; Các ông: Kế toán trưởng Công ty H3, nguyên trưởng phòng tổ chức, phó tổng giám đốc Công ty đá và Vật liệu xây dựng H cùng xác nhận về nguồn gốc căn nhà của ông. Từ tất cả những giấy tờ, chứng cứ trên đã thể hiện diện tích đất mà ông đang sử dụng trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên là hoàn toàn hợp pháp, ông không có lấn chiếm, tranh chấp đất với Đình thần B hay bất cứ ai. Ngày 14/7/2006, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B thông báo đăng ký quyền sử dụng đất ở tại phường B với biên nhận hồ sơ: 361/VPĐK-QSĐĐ có biên nhận ghi ngày 28/7/2006 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: AO 334382 Ủy ban nhân dân thành phố B ký, cấp ngày 03/6/2009 cho ông là hợp pháp theo đúng trình tự và quy định pháp luật.

Tuy nhiên, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên thửa số 63, tờ bản đồ số 10 ông chưa được nhận, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông S được ký cấp trước ngày 10/12/2009 khi Nghị định 88/2009/NĐ-CP về cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà và tài sản gắn liền với đất có hiệu lực, theo quy định tại Điều 50 Luật đất đai năm 2003 hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất ổn định, được Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn xác nhận không có tranh chấp mà có giấy tờ về thanh lý, hóa giá nhà ở gắn liền với đất ở theo quy định pháp luật thì được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Đồng thời, căn nhà Công ty H3 bán thanh lý cho ông không thuộc trường hợp các loại nhà cũ thuộc sở hữu Nhà nước thuộc diện không được bán.

Như vậy, việc ông được mua căn nhà thanh lý của Công ty H3 theo Quyết định số 1995/TC về thanh lý căn hộ (giấy thanh lý ngày 10/6/1995 là hợp pháp và đủ điều kiện để được cấp Giấy chứng nhận sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản khác gắn liền với đất theo luật đất đai nên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số

AO 334382 cấp ngày 03/6/2002 cho ông là đúng quy định pháp luật. Việc kết tội ông “*Chiếm đất*” là trái pháp luật, trái sự thật.

Về Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 21/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 của ông là trái quy định:

Thứ nhất, ngày 31/7/2012 Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định số 3962/QĐ-UBND về thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382. Tuy nhiên, ông không được tổng đạt Quyết định trên đúng thời gian như quy định mà cho đến ngày ra Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐKPHQ ngày 15/9/2016 thì ông mới được biết đã có Quyết định thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông từ nhiều năm về trước.

Thứ hai, theo nội dung Quyết định số 3962/QĐ-UBND nêu trên thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông bị thu hồi do giấy chứng nhận được cấp không đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật về đất đai nhưng khi ông khiếu nại thì không được giải quyết, làm rõ. Trong khi như ông đã trình bày tại mục 1 thì Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông là đúng quy định nên Quyết định số 3962/QĐ-UBND trên là trái pháp luật.

Việc thu hồi đất của ông là trái pháp luật:

Ngày 17/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có văn bản số 7753/UBND-ĐT về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông tại phường B. Ủy ban nhân dân phường B ban hành các quyết định Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016; Quyết định 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về việc cưỡng chế thi hành Quyết định 101/QĐKHQ và tiến hành cưỡng chế thu hồi đất, đập phá, tháo dỡ nhà ở, tịch thu tài sản của ông từ ngày 17/02/2017. Theo các căn cứ tại các Quyết định trên thì đất của ông bị thu hồi theo Quyết định 2802/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi đất của Công ty Cổ phần H3 (trước đây là Công ty khai thác đá và Vật liệu xây dựng H) và với lý do ông đã lấn chiếm đất phi nông nghiệp không phải là đất ở thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 10.

Như đã trình bày tại mục 1 thì việc ông mua thanh lý căn nhà từ Công ty khai thác đá và Vật liệu xây dựng H3 là hợp pháp, đủ điều kiện được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên ông có quyền sử dụng mảnh đất, quyền sở hữu căn nhà độc lập, tách biệt với phần diện tích đất còn lại mà Nhà nước đã giao trước đó cho Công ty khai thác đá và Vật liệu xây dựng H. Do đó, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ thu hồi quyền sử dụng đất của ông khi thu hồi quyền sử dụng đất của Công ty H3 là không đúng quy định. Nên các Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016; Quyết định 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường B; Văn bản số 7753/UBND-ĐT ngày 17/8/2016 về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S tại phường B là trái quy định pháp luật.

Ngoài ra, căn cứ theo Điều 79, Điều 83 Luật Đất đai 2013, khi Nhà nước đã tiến hành thu hồi đất ông đang sử dụng thì sẽ phải bồi thường cho ông về đất, bồi thường thiệt hại về tài sản, nhà, công trình xây dựng trên đất, hỗ trợ tái định

cư và hỗ trợ khác theo quy định nhưng Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân phường B lại cho rằng ông vi phạm hành chính về đất đai, lấn chiếm đất phi nông nghiệp để cưỡng chế thu hồi đất, đập phá nhà và tịch thu toàn bộ tài sản của ông mà không tiến hành bồi thường, hỗ trợ là trái pháp luật, ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông.

Không đồng ý với các Quyết định nêu trên nên ông đã tiến hành khiếu nại tại cơ quan có thẩm quyền. Ngày 19/01/2017, sau khi ông khiếu nại về việc thu hồi đất trái pháp luật thì Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B đã ra Quyết định số 19/QĐ-UBND về giải quyết khiếu nại lần đầu. Nhưng do việc giải quyết khiếu nại không thỏa đáng nên ông tiếp tục khiếu nại lần hai tại Ủy ban nhân dân thành phố B. Ngày 12/6/2017, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B ra Quyết định 2446/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại lần hai. Do quá trình giải quyết khiếu nại nhiều lần nhưng không được giải quyết thỏa đáng nên ông đã khởi kiện vụ án hành chính về các quyết định thu hồi đất và cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật nêu trên.

Từ những cơ sở trên, ông nhận thấy việc tiến hành thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, thu hồi đất của ông là không đúng theo luật đất đai hiện hành, ảnh hưởng đến quyền lợi ích hợp pháp của ông. Vì vậy, ông đề nghị Q Tòa án xem xét, giải quyết cho ông những yêu cầu sau:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S với thửa số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Hủy toàn bộ các quyết định trái pháp luật sau: Quyết định 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về giải quyết khiếu nại lần đầu của Ủy ban nhân dân phường B; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B tiến hành bồi thường thỏa đáng về đất do việc thu hồi quyền sử dụng đất của ông theo quy định pháp luật;

- Yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B và Ủy ban nhân dân phường B bồi thường thiệt hại số tiền 339.260.000 đồng về nhà và tài sản do việc cưỡng chế thu hồi đất ngày 17/02/2017 trái pháp luật.

Quá trình xét xử tại Tòa án, ông yêu cầu bổ sung bồi thường thiệt hại tài sản bị thu giữ tại Ủy ban phường B khi cưỡng chế. Tuy nhiên, ngày 01/11/2022 ông xin rút yêu cầu này không yêu cầu giải quyết trong vụ án này nữa. Tại phiên tòa ngày 26/7/2023 ông vẫn khẳng định rút yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản

bị thu giữ tại Ủy ban phường B khi cưỡng chế đề nghị Tòa không giải quyết yêu cầu này.

Đối với ý kiến của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần H3 thì ông không đồng ý vì họ đã triển khai mà không thực hiện là không có căn cứ.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày như sau:

Về việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất: Ngày 26/7/2006, ông Bùi Minh S kê khai đăng ký cấp giấy chứng nhận tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, ngày 23/7/2008 được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận nguồn gốc như sau: “Đất do Công ty V, Công ty H3 lại theo Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995. Nhà tự xây dựng năm 1989, sử dụng không tranh chấp”.

Về quy hoạch: Căn cứ theo bản đồ chồng ghép quy hoạch phường B tỷ lệ 1/2000 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ phê duyệt tại Quyết định số 693/QĐ-UBND ngày 21/3/2007, 190,8m² nằm trong quy hoạch đất ở hiện hữu tự cải tạo và 1,0m² nằm trong quy hoạch mở đường. Căn cứ Điều 16 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/5/2007 của Chính phủ và xác nhận nguồn gốc đất của Ủy ban nhân dân phường B, ngày 27/4/2009 Phòng T4 lập Tờ trình số 2506/TTr-TNMT trình Ủy ban nhân dân thành phố B ký cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Minh S. Ngày 03/6/2009, Ủy ban nhân dân thành phố B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 cho ông Bùi Minh S tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B với diện tích đất được cấp giấy là 190,8m² là phần diện tích phù hợp quy hoạch đất ở hiện hữu tự cải tạo.

Về việc thu hồi Giấy chứng nhận số AO 334382 ngày 03/6/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký cấp cho ông Bùi Minh S: Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại Văn bản số 4508/UBND-ĐT ngày 12/12/2011 về việc giải quyết đề nghị của Ban Q tế Đình thần B và M1 bà Ngũ H2, trong đó giao Phòng Tài nguyên và Môi trường Ủy ban nhân dân tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố thu hồi giấy chứng nhận đã ký cấp cho hộ ông Bùi Minh S thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Ngày 29/8/2012, Phòng T4 đã có văn bản số 1472/TNMT-QLDD về việc tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố B giao Thanh tra thành phố thẩm tra việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Theo đó, Thanh tra thành phố đã có Báo cáo số 213/TTr ngày 12/01/2018 về việc kết quả thẩm tra Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334353 ngày 03/6/2009 của ông Bùi Minh S, kết luận nội dung sau: “Xét thấy việc cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 63 tờ bản đồ số 10 phường B số AO 334382 ngày 03/6/2009 cho ông S là không đúng quỹ đất”. Trên cơ sở ý kiến đề xuất của Thanh tra thành phố và căn cứ theo Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân – Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003, Luật đất đai năm 2003, Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 và Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính phủ; ngày 31/7/2012, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3962/QĐ-UBND về việc thu hồi Giấy chứng

nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 ngày 03/6/2009 của ông Bùi Minh S là đúng trình tự, thủ tục theo quy định pháp luật. Cùng năm 2012, Ủy ban nhân dân phường B đã tổng đạt Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 cho ông Bùi Minh S theo Biên bản công bố và trao quyết định đã được Ủy ban nhân dân phường B xác nhận ngày 03/8/2012.

Về việc thu hồi đất của Công ty cổ phần H3 giao cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý:

- *Việc xử lý thu hồi đất:* Ngày 21/12/2000, Công ty Cổ phần H3 ký với Sở Đ2 Hợp đồng thuê đất số 315/HĐTĐ.trn; theo đó, Sở Đ2 cho Công ty Cổ phần H3 thuê 1.195m² đất tại phường B, thành phố B. Ngày 28/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, trong đó đã thu hồi 1.195,1m² đất thuộc thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 10 phường B của Công ty Cổ phần H3 và giao toàn bộ 02 thửa đất nói trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý. Đến ngày 31/01/2012, Công ty Cổ phần H3 đã có văn bản số 10/CtyCPHA về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Văn bản số 4508/UBND-ĐT ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B căn nhà của ông Bùi Minh S, Công ty kết luận: Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 của Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng H – Bộ X có ban hành nhưng không triển khai thực hiện. Đồng thời, căn cứ pháp luật về đất đai, việc công ty H3 đá và vật liệu xây dựng H – Bộ X có ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 (sau thời điểm Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 61-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ có hiệu lực) là không đúng thẩm quyền. Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3962/QĐUBND ngày 31/7/2012 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 ngày 03/6/2009 của ông Bùi Minh S tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Ngày 27/10/2015, Phòng T4 có văn bản số 5805/TNMT-QLĐĐ về việc sử dụng đất của ông Bùi Minh S liên quan đến việc xin giao đất mở rộng diện tích đất của Ban Q tế Đình thần Bình Long và M1 bà Ngũ H2, cho thấy: Đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty H3 (nay là Công ty Cổ phần H3) triển khai thực hiện dự án khai thác. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý sử dụng Công ty đã tự ý ban hành Quyết định thanh lý bán nhà cho ông S sử dụng và chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chấp thuận nên việc xử lý hỗ trợ tài sản nhà, đất cho ông S thuộc trách nhiệm của Công ty H3 đá và vật liệu xây dựng H thực hiện. Ngày 29/6/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có Văn bản số 5693/UBND-ĐT và Văn bản số 5694/UBND-ĐT về việc xử lý đơn của ông Bùi Minh S. Ủy ban nhân dân thành phố B đã giao cho Ủy ban nhân dân phường B phối hợp với Đội Quản lý trật tự thành phố B tiến hành vận động hộ ông Bùi Minh S lần cuối; trường hợp ông S vẫn không chấp hành thì cùng cơ sở tham mưu cưỡng chế ông Bùi Minh S theo đề nghị của Phòng T4.

- *Việc ban hành Quyết định xử lý hành chính:* Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân phường B đã tổ chức vận động ông Bùi Minh S di dời ra khỏi khu đất để bàn giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý nhưng không thành. Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân

dân phường B có Báo cáo số 102/UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S, phường B. Ngày 17/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có Văn bản số 7753/UBND-ĐT về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S, trong đó yêu cầu Ủy ban nhân dân phường B nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm và khẩn trương phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố tại các văn bản chỉ đạo trước đây. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và căn cứ quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S tại phường B và ban hành Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2016 về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B. Như vậy, thực hiện Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ nói trên Ủy ban nhân dân thành phố B đã chỉ đạo giao cho Ủy ban nhân dân phường B phối hợp với các đơn vị liên quan tiến hành vận động hộ ông Bùi Minh S chấp hành Quyết định thu hồi đất. Do ông S không chấp hành việc giao lại đất thu hồi nên Ủy ban nhân dân phường B ban hành quyết định cưỡng chế và quyết định xử lý hành chính đối với ông Bùi Minh S là thực hiện theo quy định pháp luật. Đồng thời, thửa đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty H3 đá và vật liệu xây dựng H triển khai thực hiện dự án khai thác.

Từ những nội dung nêu trên, việc đương sự yêu cầu Hủy Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B việc thu hồi đất trái pháp luật và liên đới với Ủy ban nhân dân phường B, thành phố B để bồi thường về việc cưỡng chế đập phá hủy hoại tài sản của ông Bùi Minh S khi chưa có phương án đền bù thỏa đáng là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người bị kiện Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B trình bày như sau:

Nguồn gốc và quá trình sử dụng đất tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Về việc thu hồi Giấy chứng nhận số AO 334382 ngày 03/6/2009 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký cấp cho ông Bùi Minh S. Về nguồn gốc đất, quá trình quản lý của Nhà nước và đối tượng sử dụng đối với thửa đất nêu trên và nội dung ông S yêu cầu bồi thường thiệt hại do ban hành Quyết định cưỡng chế giống thống nhất như trình bày của Ủy ban nhân dân thành phố B.

Việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ban hành các Quyết định xử lý hành chính và quyết định giải quyết đơn khiếu nại, như sau: Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân phường B đã tổ chức vận động ông Bùi Minh S di dời ra khỏi khu đất để bàn giao đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý nhưng không thành. Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân dân phường B có Báo cáo số 102/UBND về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S tại phường B. Ngày 17/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có Văn bản số 7753/UBND-ĐT về việc cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S, trong đó yêu cầu Ủy ban nhân dân phường B nghiêm túc chấn chỉnh rút kinh nghiệm và khẩn trương phối

hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố B tại các văn bản chỉ đạo trước đây. Thực hiện chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố và căn cứ quy định pháp luật, Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S tại phường B và ban hành Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B. Không đồng ý với 02 quyết định nêu trên, ông S có đơn khiếu nại và được Ủy ban nhân dân phường B thụ lý giải quyết và ban hành Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Minh S. Theo đó, Ủy ban nhân dân phường B giữ nguyên nội dung 02 quyết định nêu trên và tổng đạt Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 đến ông Bùi Minh S nhưng ông S không nhận. Ngày 17/02/2017, ông S có đơn khiếu nại gửi Ủy ban nhân dân thành phố B, Thanh tra thành phố B. Theo đó, Thanh tra thành phố đã tiến hành xác minh, làm việc cùng hộ dân và có văn bản số 19/BC-TTr ngày 11/4/2017 báo cáo kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố B tổ chức đối thoại và ban hành Quyết định giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Minh S với nội dung: Bác đơn khiếu nại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B và giữ nguyên Quyết định này. Ngày 31/5/2017 Ủy ban nhân dân thành phố B đã tổ chức đối thoại cùng ông S và trên cơ sở kết quả xác minh của Thanh tra thành phố B cùng ý kiến các ngành dự họp thống nhất bác đơn khiếu nại đề ngày 12/7/2017 của ông Bùi Minh S. Ngày 12/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại (lần đầu) của ông Bùi Minh S, ngụ tại khu phố A, phường B, thành phố B. Theo đó, bác đơn khiếu nại đề ngày 17/02/2017 của ông Bùi Minh S; và công nhận Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B và yêu cầu ông S nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S tại phường B và ban hành Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 101/QĐ/KPHQ ngày 15/9/2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông S yêu cầu hủy Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; Hủy toàn bộ các Quyết định: Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ký về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ký về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B về việc giải quyết khiếu nại lần đầu; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B về việc giải quyết khiếu nại lần 2; Yêu cầu bồi thường thiệt hại trong vụ án hành chính do các Quyết định hành chính nêu trên là không có cơ sở xem xét giải quyết.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân phường B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B trình bày như sau.

Đối với yêu cầu hủy các Quyết định hành chính và Quyết định khiếu nại của Ủy ban nhân dân phường: Ngày 28/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, trong đó đã thu hồi 1.195,1m² đất thuộc thửa đất số 62 và 63 tờ bản đồ số 10 phường B của Công ty cổ phần H3 và giao toàn bộ diện tích 02 thửa đất nói trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý. Ngày 31/7/2012, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 3962/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký ngày 03/6/2009 đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B đã cấp cho ông Bùi Minh S. Ngày 03/8/2012, Ủy ban nhân dân phường đã công bố Quyết định số 3962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S, ông S có ký tên trong biên bản. Thực hiện các văn bản của Ủy ban nhân dân thành phố B (Văn bản số 2579/UBND-ĐT ngày 18/6/2014 v/v thực hiện thủ tục thu hồi đất tại phường B để bàn giao cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai, Văn bản số 5693/UBND-ĐT và Văn bản số 5694/UBND-ĐT ngày 29/6/2016 v/v xử lý đơn của ông Bùi Minh S tại phường B), Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp cùng ban, ngành, đoàn thể phường và thành phố vận động ông Bùi Minh S di dời ra khỏi khu đất trả đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh (Biên bản ngày 12/7/2016). Ngày 15/7/2016, Ủy ban nhân dân phường đã có Báo cáo số 72/BC-UBND v/v báo cáo tình hình vận động ông Bùi Minh S gửi Ủy ban nhân dân thành phố B, Phòng T4 và Phòng Tư pháp Thành phố Biên Hòa T4. Ngày 22/7/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có Văn bản số 6826/UBND-ĐT về việc cưỡng chế thu hồi đất ông Bùi Minh S tại phường B. Ngày 09/8/2016, Ủy ban nhân dân phường có văn bản số 102/UBND xin ý kiến hướng dẫn gửi Ủy ban nhân dân thành phố B và các phòng ban chuyên môn thành phố. Ngày 17/8/2016, Ủy ban nhân dân thành phố B có Văn bản số 7753/UBND-ĐT về việc cưỡng chế thu hồi đất ông Bùi Minh S tại phường B. Ngày 24/8/2016, Phòng Tư pháp Thành phố Biên Hòa T4 có Văn bản số 237/PTPKNTC v/v cưỡng chế thu hồi đất của ông Bùi Minh S phường B.

Từ những cơ sở trên, ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và Biên bản vi phạm hành chính số 06/BBVPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Bùi Minh S, sinh năm 1954, CMND số 271673030 về hành vi lấn, chiếm đất đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B theo quy định tại khoản 2, Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai. Thực hiện theo hướng dẫn tại Văn bản số 263/PTP-TH ngày 15/9/2016 của Phòng Tư pháp Thành phố Biên Hòa T4 v/v ý kiến xử lý vi phạm hành chính đối với ông Bùi Minh S, cư ngụ tại phường B, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp

khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S. Ngày 30/9/2016, Ủy ban nhân dân phường T Quyết định số 101/QĐ-KPHQ cho ông Bùi Minh S. Ông Bùi Minh S có nghe công chức Địa chính- xây dựng đọc nhưng không đồng ý nhận Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và không ký tên vào biên bản. Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành niêm yết Quyết định số 101/QĐ-KPHQ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, Văn phòng K và Ủy ban nhân dân phường. Ngày 12/10/2016, Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành kiểm tra hiện trạng về việc chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, kết quả: hiện trạng trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B vẫn còn căn nhà, tường gạch, mái tôn, ngói, cửa tôn ông Bùi Minh S vẫn chưa tháo dỡ di dời trả lại đất đã chiếm. Ngày 20/10/2016, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường vận động ông Bùi Minh S chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả. Tuy nhiên, ông S vẫn không chấp hành. Ngày 04/11/2016, Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 127/QĐ-CC về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ký. Ngày 08/11/2016, Ủy ban nhân dân phường T Quyết định số 127/QĐ-CC cho ông Bùi Minh S. Tại thời điểm tổng đạt, ông Bùi Minh S không có nhà; công chức Địa chính - Xây dựng có đọc nội dung Quyết định số 127/QĐ-CC cho bà Mai Thị H là vợ của ông Bùi Minh S nghe, bà Mai Thị H không nhận Quyết định và không ký tên vào biên bản. Ủy ban nhân dân phường đã niêm yết Quyết định số 127/QĐ-CC tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, Văn phòng K và Ủy ban nhân dân phường. Ngày 18/11/2016, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường tiếp tục vận động ông Bùi Minh S chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và Quyết định số 127/QĐ-CC của Ủy ban nhân dân phường. Tuy nhiên, ông Bùi Minh S vắng mặt. Ngày 02/12/2016, ông Bùi Minh S có đến Ủy ban nhân dân phường để xin nhận Quyết định số 101/QĐ-KPHQ, Ủy ban nhân dân phường đã giao cho ông Quyết định nói trên.

Ngày 13/02/2017, Ủy ban nhân dân phường ban hành Thông báo số 02/TB-UBND ngày 13/02/2017 về việc cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ v/v thu hồi đất của công ty cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, gửi đến ông Bùi Minh S. Ủy ban nhân dân phường đã tổng đạt Thông báo số 02/TB-UBND cho ông Bùi Minh S, ông Bùi Minh S có nghe công chức Địa chính - Xây dựng đọc nội dung Thông báo nhưng ông không nhận Thông báo và không ký tên. Ngày 17/02/2017, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường vận động ông Bùi Minh S lần cuối; tuy nhiên ông Bùi Minh S vẫn không chấp hành tự nguyện tháo dỡ. Ủy ban nhân dân phường đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng ghi nhận hiện trạng ông Bùi Minh S không tự nguyện tháo dỡ căn nhà trả lại đất đã chiếm (khóa cửa, không tự nguyện mở khóa). Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp với ban, ngành, đoàn thể phường và thành phố cưỡng chế tháo dỡ căn nhà trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Đồng thời, Ủy ban nhân dân phường nhận được đơn khiếu nại của ông Bùi Minh S đề ngày 09/12/2016, nội dung đơn đề nghị Ủy ban nhân

dân phường thu hồi Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và Quyết định số 127/QĐ-CC của Ủy ban nhân dân phường. Ngày 05/01/2017, Ủy ban nhân dân phường đã tổ chức đối thoại với ông Bùi Minh S có sự tham gia của ban, ngành, đoàn thể phường và T2 khu phố. Ngày 19/01/2017, Ủy ban nhân dân phường đã ban hành Quyết định số 19/QĐUBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Bùi Minh S. Ngày 23/01/2017, Ủy ban nhân dân phường đã tổng đạt Quyết định số 19/QĐ-UBND cho ông Bùi Minh S. Ông Bùi Minh S có đơn khiếu nại đến Ủy ban nhân dân thành phố B, ngày 12/6/2017, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 2446/QĐ-UBND về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Bùi Minh S; theo đó bác đơn khiếu nại của ông và công nhận Quyết định số 19/QĐ-UBND của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B, yêu cầu ông Bùi Minh S nghiêm chỉnh chấp hành Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân phường B về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S tại phường B và Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2016 của Ủy ban nhân dân phường B về việc cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 của Ủy ban nhân dân phường B.

Đối với yêu cầu bồi thường thiệt hại: Như trình bày nêu trên, ngày 28/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ đã ban hành Quyết định số 2802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, trong đó đã thu hồi 1.195,1 m² đất thuộc thửa đất số 62 và 63 tờ bản đồ số 10, phường B của Công ty cổ phần H3 và giao toàn bộ diện tích 02 thửa đất nói trên cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, thửa đất ông S sử dụng là thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 nằm trong nội dung Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 31/7/2012, Ủy ban nhân dân thành phố B đã ban hành Quyết định số 3962/QĐ-UBND về việc thu hồi giấy chứng nhận QSDĐ số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký ngày 03/6/2009 đối với thửa đất số 63 tờ bản đồ số 10 phường B đã cấp cho ông Bùi Minh S. Chấp hành các nội dung văn bản chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố B và qua nhiều lần vận động, giải thích cho ông Bùi Minh S hiểu, tuy nhiên ông Bùi Minh S không tự nguyện chấp hành. Từ đó, Ủy ban nhân dân phường M ban hành Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và Quyết định số 127/QĐ-CC nhằm tháo dỡ căn nhà ông Bùi Minh S sử dụng để giao trả đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ. Ủy ban nhân dân phường cũng đã vận động, giải thích, gửi thông báo, quyết định cho ông Bùi Minh S nhưng ông không tự nguyện thực hiện Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và các Quyết định của Ủy ban nhân dân phường. Nên Ủy ban nhân dân phường đã tổ chức cưỡng chế theo quy định.

Từ những nội dung nêu trên, việc ông Bùi Minh S yêu cầu Ủy ban nhân dân phường hủy các Quyết định số 101/QĐ-KPHQ, Quyết định số 127/QĐ-CC và Quyết định số 19/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân phường và yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có cơ sở đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty Cổ phần H3 trình bày như sau:

Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng Hóa An 100% vốn Nhà nước chuyển thành Công ty cổ phần H3 theo Quyết định số 47/2000/QĐ-TTg ký ngày 18/4/2000 của Thủ tướng Chính Phủ. Từ trước đến nay Công ty chưa ban hành quyết định nào liên quan đến việc thanh lý căn hộ số 1 nhà tập thể bên cạnh B cho ông S ngoài quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995, Công ty có ban hành nhưng không thực hiện và đã thực hiện theo chỉ đạo tại công văn số 10 ngày 31/01/2012 Công ty cổ phần H3 đã kiểm tra tài liệu hồ sơ bàn giao lưu trữ thì trong hồ sơ tài chính lưu tại Công ty không có phiếu thu tiền căn hộ thanh lý, làm việc với ông S thì ông S không xuất trình được phiếu thu.

Công ty ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 về việc thanh lý căn hộ Số 1 nhà tập thể bên cạnh B cho ông Bùi Minh S nhưng hai bên không triển khai thực hiện, ông S không đóng tiền cho Công ty, đề nghị Tòa xét xử theo quy định của pháp luật.

Đối với ý kiến của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc đề nghị Công ty H3 hủy Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 và trả lại tiền cho ông S: Sau khi ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 đến nay ông Bùi Minh S không đóng tiền 3,5 triệu đồng cho Công ty, quyết định ban hành nhưng hai bên không triển khai thực hiện, nên không có hiệu lực pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đình Thân B và Miếu B Ngũ Hành do người đại diện hợp pháp trình bày:

Nguyên vào năm N2 tý 1852, Vua Tự Đ đời thứ 5 đã phong sắc thần và xây dựng Đình thần B2 tại xã B, huyện Đ (nay là Khu phố A, ấp T, phường B, tỉnh Đồng Nai) có cổng đình nằm gần sát bờ sông. Năm 1975 thì Ủy ban nhân dân xã B không cho tập trung cúng đình nữa và giao đình lại cho Hội người mù ở và đập bỏ toàn bộ hàng rào, cổng đình để cho Công ty B3 khai thác cảng đá (chứng cứ là ảnh chụp) và xây dựng nhà tạm để bảo vệ công ty ở trên phần đất của Đ1. Đến năm 2018 thì đại diện Đình thần B2 là ông Trần Minh T3 đã làm đơn xin lại phần đất của đình đã bị lấy làm cảng đá nhưng không còn hoạt động. Đến ngày 10/7/2018 thì phần đất của đền B4 đã được Ủy ban nhân dân thành phố B trả lại cho đình và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất đứng tên chủ sở hữu là Đình Thân Bình L1 và Miếu B Ngũ Hành ngụ tại (Khu phố A, ấp T, phường B, tỉnh Đồng Nai) thuộc thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 diện tích 632m² để sử dụng làm đất cơ sở tính ngưỡng lâu dài. B2 đã được trùng tu, xây dựng lại cổng mới và toàn bộ hàng rào, sơn sửa mới từ tiền vận động của các mạnh thường quân và được sự cho phép cúng tế công thần theo lệ hàng năm của Ủy ban nhân dân phường B và Văn Miếu T. Đại diện ban B2 có ý kiến là đất của đình đã bị Ủy ban nhân dân phường B đã lấy cho công ty H3 thuê thì trả lại cho Đình Bình L1 còn chuyện ông Bùi Minh S khởi kiện Ủy ban nhân dân thành phố B hay Ủy ban nhân dân phường B thì Đình Bình L1 không có ý kiến gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 26 tháng 7 năm

2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai đã quyết định:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh S đối với yêu cầu hủy toàn bộ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B; Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về giải quyết khiếu nại lần đầu của chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B. Yêu cầu bồi thường về đất do việc thu hồi quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; Bồi thường thiệt hại số tiền 339.260.000 đồng về nhà và tài sản do Ủy ban nhân dân phường B, Ủy ban nhân dân thành phố B cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật.

Đình chỉ xét xử đối với phần yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản bị thu giữ do Ủy ban nhân dân phường B lập mục kê cưỡng chế ngày 17/02/2017 do ông Bùi Minh S đã rút.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 03/8/2023, người khởi kiện là ông Bùi Minh S kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Người khởi kiện là ông Bùi Minh S vẫn giữ kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm, hủy các quyết định hành chính bị kiện.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện là Luật sư Phạm Hoài N phát biểu ý kiến: Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét toàn diện quá trình sử dụng đất của ông S. Ông S được công ty H3 cấp căn hộ tập thể với diện tích 295m², sau đó công ty T5 và bán hóa giá cho ông S. Từ khi mua hóa giá cho đến nay, ông S đã sử dụng ổn định và kê khai, nộp thuế cho Nhà nước, được cấp giấy chứng nhận đúng quy định pháp luật. Ngoài ông S thì nhiều nhân viên công ty H3 cũng mua hóa giá và đã được cấp giấy chứng nhận. Người bị kiện thu hồi giấy chứng nhận, thu hồi đất của ông S để giao cho Đình Thân Bình L1 và Miếu bà Ngũ H2 mà không thực hiện bồi thường cho ông S là không đúng quy định. Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và Quyết định 127/QĐ-CC xác định ông S có hành vi lấn chiếm đất là trái pháp luật vì ông S sử dụng đất hợp pháp, không thuộc trường hợp lấn chiếm đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần H3 (có ông Trần Quốc T1 là đại diện theo ủy quyền) đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết vụ án theo quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham

gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán và Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật Tố tụng hành chính. Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Bản án của Tòa án cấp sơ thẩm xử có căn cứ và đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ nào mới chứng minh nên đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tòa án triệu tập hợp lệ, người bị kiện là Ủy ban nhân dân thành phố B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, Ủy ban nhân dân phường B, Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Đình thần B và Miếu B1, vắng mặt. Căn cứ Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án vắng mặt các đương sự này.

[2] Tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án thể hiện nguồn gốc đất và việc thu hồi đất như sau:

Ngày 21/12/2000, Công ty Cổ phần H3 ký với Sở Đ2 Hợp đồng thuê đất số 315/HĐTĐ.trn; theo đó, Sở Đ2 cho Công ty Cổ phần H3 thuê 1.195m² đất tại phường B, thành phố B. Ngày 28/10/2011, Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành Quyết định số 2802/QĐ-UBND về việc thu hồi đất của Công ty Cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, trong đó đã thu hồi 1.195,1m² đất thuộc thửa đất số 62, 63 tờ bản đồ số 10 phường B của Công ty Cổ phần H3 và giao toàn bộ 02 thửa đất nói trên cho Trung tâm Phát triển quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý. Ngày 31/01/2012, Công ty Cổ phần H3 đã có văn bản số 10/CtyCPHA về việc thực hiện ý kiến chỉ đạo tại Văn bản số 4508/UBND-ĐT ngày 12/12/2017 của Ủy ban nhân dân thành phố B căn nhà của ông Bùi Minh S, Công ty kết luận: Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 của Công ty khai thác đá và vật liệu xây dựng H – Bộ X có ban hành nhưng không triển khai thực hiện. Đồng thời, căn cứ pháp luật về đất đai, việc công ty H3 đá và vật liệu xây dựng H – Bộ X có ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 (sau thời điểm Luật đất đai năm 1993 và Nghị định số 61-CP ngày 05/7/1994 của Chính phủ có hiệu lực) là không đúng thẩm quyền.

Trên cơ sở đó, Ủy ban nhân dân thành phố đã ban hành Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 ngày 03/6/2009 của ông Bùi Minh S tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B. Ngày 27/10/2015, Phòng T4 có văn bản số 5805/TNMT-QLĐĐ về việc sử dụng đất của ông Bùi Minh S liên quan đến việc xin giao đất mở rộng diện tích đất của Ban Q tế Đình thần B và M2 bà Ngũ H2 thể hiện: Đất có nguồn gốc do Ủy ban nhân dân tỉnh Đ giao cho Công ty H3 (nay là Công ty Cổ phần

H3) triển khai thực hiện dự án khai thác vào năm 1988. Ngày 20/12/2000 Ủy ban nhân dân tỉnh Đ ban hành quyết định số 3535/QĐ.CT.UBT về việc cho Công ty cổ phần H3 thuê đất và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho Công ty để làm cảng xuất đá tại phường B, thành phố B. Tuy nhiên, trong quá trình quản lý sử dụng Công ty đã tự ý ban hành Quyết định thanh lý bán nhà cho ông S sử dụng và chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chấp thuận. Đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, Ủy ban nhân dân thành phố B giao Ủy ban phường B quản lý và đề nghị ban quý tế Đình thần B và M2 bà Ngủ H2 liên hệ làm thủ tục giao đất để sử dụng vào mục đích tín ngưỡng theo chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh tại Quyết định 187/QĐ-UBND ngày 07/6/2017. Ngày 10/7/2018 Đ1 thần B và M2 bà Ngủ H2 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 187169 đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, diện tích 632m².

[3] Xét, Công ty cổ phần H3 trình bày không có bản gốc và chỉ cung cấp bản photocopy Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 của Giám đốc Công ty khai thác đá và Vật liệu xây dựng Hóa An thể hiện nội dung: “Thanh lý căn hộ số 01 nhà tập thể bên cảng B thuộc khu tập thể Công ty đá Hóa An cho ông Bùi Minh S diện tích 149m² (chiều dài 17m, chiều rộng 8,76m)”. Tuy nhiên, Công ty H3 được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ cho thuê đất, đã ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 thanh lý bán nhà cho ông S sử dụng, nhưng chưa được Ủy ban nhân dân tỉnh Đ chấp thuận; Sau khi ban hành Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 đến nay ông Bùi Minh S không đóng tiền 3,5 triệu đồng cho Công ty, quyết định ban hành nhưng hai bên không triển khai thực hiện, nên không có hiệu lực pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 là phù hợp.

[4] Mặt khác, nội dung Quyết định số 1995¹/TC ngày 10/6/1995 thể hiện diện tích nhà mà công ty H3 bán cho ông S là 149m² nhưng theo tài liệu chứng cứ do Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố T4 cung cấp thì diện tích đất ông S nộp hồ sơ để cấp giấy chứng nhận là 249m² (Bút lục 216). Do vậy, Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 ngày 03/6/2009 của ông Bùi Minh S là có căn cứ.

[5] Ngày 03/8/2012, Ủy ban nhân dân phường B đã công bố Quyết định số 3962/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi giấy chứng nhận QSD đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B ký ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S, ông S có ký tên trong biên bản. Ủy ban nhân dân phường đã phối hợp cùng ban, ngành, đoàn thể phường và thành phố vận động ông Bùi Minh S di dời ra khỏi khu đất trả đất cho Trung tâm phát triển quỹ đất quản lý theo Quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh. Ngày 09/9/2016, Ủy ban nhân dân phường B đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng sử dụng đất và Biên bản vi phạm hành chính số 06/BBVPHC về lĩnh vực đất đai đối với ông Bùi Minh S về hành vi lấn, chiếm đất đối với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 phường B theo quy định tại khoản 2 Điều 10 Nghị định số 102/2014/NĐ-CP ngày 10/11/2014 của Chính phủ về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực đất đai.

Căn cứ Biên bản vi phạm hành chính trên, Ủy ban nhân dân phường B đã ban hành Quyết định số 101/QĐ-KPHQ về áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả đối với ông Bùi Minh S. Ngày 30/9/2016, Ủy ban nhân dân phường T Quyết định số 101/QĐ-KPHQ cho ông Bùi Minh S. Ông Bùi Minh S có nghe công chức Địa chính - xây dựng đọc nhưng không đồng ý nhận Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và không ký tên vào biên bản, nên Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành niêm yết Quyết định số 101/QĐ-KPHQ tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, Văn phòng K và Ủy ban nhân dân phường. Ngày 12/10/2016, Ủy ban nhân dân phường đã tiến hành kiểm tra hiện trạng về việc chấp hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, kết quả: Hiện trạng trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10 phường B vẫn còn căn nhà, tường gạch, mái tôn, ngói, cửa tôn ông Bùi Minh S vẫn chưa tháo dỡ di dời trả lại đất đã chiếm. Ngày 20/10/2016, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường vận động ông Bùi Minh S chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ và Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả của Ủy ban nhân dân phường. Tuy nhiên, ông S vẫn không chấp hành.

Ngày 04/11/2016, Ủy ban nhân dân phường B ban hành Quyết định số 127/QĐ-CC về cưỡng chế thi hành Quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 do Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B ký. Ngày 08/11/2016, Ủy ban nhân dân phường T Quyết định số 127/QĐ-CC cho ông Bùi Minh S. Tại thời điểm tổng đạt, ông Bùi Minh S không có nhà; công chức Địa chính - Xây dựng có đọc nội dung Quyết định số 127/QĐ-CC cho bà Mai Thị H là vợ của ông Bùi Minh S nghe, bà Mai Thị H không nhận Quyết định và không ký tên vào biên bản. Ủy ban nhân dân phường đã niêm yết Quyết định số 127/QĐ-CC tại thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, Văn phòng K và Ủy ban nhân dân phường. Ngày 18/11/2016, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường tiếp tục vận động ông Bùi Minh S chấp hành Quyết định thu hồi đất của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ, Quyết định số 101/QĐ-KPHQ và Quyết định số 127/QĐ-CC của Ủy ban nhân dân phường. Tuy nhiên, ông Bùi Minh S vắng mặt. Ngày 02/12/2016, ông Bùi Minh S có đến Ủy ban nhân dân phường để xin nhận Quyết định số 101/QĐ-KPHQ, Ủy ban nhân dân phường đã giao cho ông Quyết định nói trên. Ngày 13/02/2017, Ủy ban nhân dân phường ban hành Thông báo số 02/TB-UBND ngày 13/02/2017 v/v cưỡng chế thu hồi đất theo Quyết định số 2802/QĐ-UBND ngày 28/10/2011 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đ v/v thu hồi đất của Công ty cổ phần H3 tại phường B giao Trung tâm quỹ đất tỉnh Đồng Nai quản lý, gửi đến ông Bùi Minh S. Ủy ban nhân dân phường đã tổng đạt Thông báo số 02/TB-UBND cho ông Bùi Minh S, ông Bùi Minh S có nghe công chức Địa chính - Xây dựng đọc nội dung Thông báo nhưng ông không nhận Thông báo và không ký tên. Ngày 17/02/2017, Ủy ban nhân dân phường P với ban, ngành, đoàn thể phường vận động ông Bùi Minh S lần cuối; tuy nhiên ông Bùi Minh S vẫn không chấp hành tự nguyện tháo dỡ (khóa cửa, không tự nguyện mở khóa) nên Ủy ban nhân dân phường B đã lập biên bản kiểm tra hiện trạng ghi nhận sự việc, đồng thời phối hợp với ban, ngành, đoàn thể phường và thành phố cưỡng chế tháo dỡ căn nhà trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B.

Như vậy, Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả, Quyết định số 127/QĐ-CP ngày 04/11/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ của Ủy ban nhân dân phường B và Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B được ban hành đúng theo quy định pháp luật.

[6] Theo nội dung nhận định nêu trên thì quyết định giải quyết khiếu nại Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về giải quyết khiếu nại lần đầu của chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B; Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B bác khiếu nại của ông S là đúng quy định pháp luật.

[7] Về việc thanh lý tài sản căn hộ phòng bảo vệ giữa Công ty cổ phần H3 với ông Bùi Minh S từ năm 1995 đến khi đất bị thu hồi, quá trình sử dụng ông S cải tạo, coi nói giá trị tài sản theo ông S sau khi khấu hao còn lại 339.260.000 đồng. Tách ra tranh chấp bằng vụ án dân sự khác khi ông S có yêu cầu khởi kiện đối với Công ty cổ phần H3.

[8] Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy, bản án của Tòa án cấp sơ thẩm bác yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông S kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu chứng cứ nào mới chứng minh nên bác kháng cáo và giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa là có căn cứ chấp nhận.

[9] Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[10] Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Minh S là người cao tuổi nên được miễn theo quy định của pháp luật về án phí, lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 của Luật tổ tụng hành chính năm 2015.

Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Bùi Minh S; Giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 27/2023/HC-ST ngày 26/7/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

Áp dụng Luật đất đai năm 2003 và Luật đất đai năm 2013; Căn cứ Luật khiếu nại năm 2011; Nghị định 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Bùi Minh S đối với yêu cầu:

- Hủy toàn bộ Quyết định số 3962/QĐ-UBND ngày 31/7/2012 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 334382 do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 03/6/2009 cho ông Bùi Minh S với thửa đất số 63, tờ bản đồ số 10, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai;

- Hủy Quyết định số 101/QĐ-KPHQ ngày 15/9/2016 về việc áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả; Quyết định số 127/QĐ-CC ngày 04/11/2017 về việc cưỡng chế thi hành quyết định áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả số 101/QĐ-KPHQ của Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B;

- Hủy Quyết định số 19/QĐ-UBND ngày 19/01/2017 về giải quyết khiếu nại lần đầu của chủ tịch Ủy ban nhân dân phường B;

- Hủy Quyết định số 2446/QĐ-UBND ngày 12/6/2017 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B.

- Yêu cầu bồi thường về đất do việc thu hồi quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật; Bồi thường thiệt hại số tiền 339.260.000 đồng về nhà và tài sản do Ủy ban nhân dân phường B, Ủy ban nhân dân thành phố B cưỡng chế thu hồi đất trái pháp luật.

2. Các phần quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí hành chính phúc thẩm: Ông Bùi Minh S được miễn.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao (1);
- VKSNDCC tại Thành phố Hồ Chí Minh (1);
- TAND tỉnh Đồng Nai (1);
- VKSND tỉnh Đồng Nai (1);
- Cục THADS tỉnh Đồng Nai (1);
- Các đương sự (8);
- Lưu: hồ sơ vụ án (1), VP (5), 20b (PPC);

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Phan Nhựt Bình